TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS - ST
Ngày: 30 - 8 - 2019.
V/v tranh hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh.

Ông Đoàn Văn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST - DS, ngày 02/01/2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST - DS, ngày 02/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số XX P, Phường Y, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịc Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B - Phòng giao dịch M.

Địa chỉ trụ sở: Số XX, Khu phố Y, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Do ông Châu Văn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B - Phòng giao dịch M đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng (xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1987 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hoàng K, sinh năm 1986 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Tân T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Châu Văn T trình bày: Vào ngày 07/12/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B - Phòng giao dịch M (sau đây gọi là Ngân hàng) có cho bà Phạm Thị Ngọc T vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 11,4%/năm, lãi quá hạn 17,1%/năm, thời hạn vay 18 tháng, nếu bà T không trả được nợ thì người bảo lãnh là ông Lê Hoàng K phải trả thay toàn bộ số nợ, đến ngày 11/12/2018 bà T còn nợ Ngân hàng tiền vốn gốc là 5.880.000 đồng, lãi trong hạn 550.000 đồng, lãi quá hạn 869.174 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thị Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn và số nợ nêu trên đã quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 11/12/2018 trong đó tiền vốn gốc là 5.880.000 đồng, lãi trong hạn 550.000 đồng, lãi quá hạn 869.174 đồng, đồng thời phải trả tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn tính trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất 17,1%/năm từ ngày 12/12/2018 cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp bà Phạm Thị Ngọc T không trả được nợ thì yêu cầu ông Lê Hoàng K là người bảo lãnh phải trả nợ thay toàn bộ số nợ của bà Phạm Thị Ngọc T cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Châu Văn T có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đại diện nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 07/12/2016 có xác nhận của Hội liên hiệp Phụ nữ và Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thể hiện bà Phạm Thị Ngọc T có vay của Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 11,4%/năm, người bảo lãnh là ông Lê Hoàng K, giấy đề nghị vay tiền có chữ ký và chữ viết của bà Phạm Thị Ngọc T ở mục người vay và ông Lê Hoàng K ở mục người bảo lãnh. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo cho bà Phạm Thị Ngọc T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh không có nợ Ngân hàng số tiền vốn và lãi như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà Phạm Thị Ngọc T không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đồng thời cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó có căn cứ để xác định đến ngày 11/12/2018 bà Phạm Thị Ngọc T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 5.880.000 đồng, lãi trong hạn 550.000 đồng, lãi quá hạn 869.174 đồng. Khi các bên thỏa thuận cho vay tín dụng có thỏa thuận về việc trả lãi, mức lãi suất thỏa

thuận trả lãi trong thời hạn vay (11,4%/năm) là phù hợp với quy định của pháp luật, việc bà T không thanh toán nợ cho Ngân hàng gồm tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh đúng thời hạn như đã thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử buộc bà T phải thanh toán nợ gồm tiền vốn gốc, tiền lãi trong hạn theo như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp, ngoài ra do bà T không trả nợ đúng hạn nên phải trả lãi đối với số tiền vốn gốc quá hạn theo mức lãi suất 150% (17,1%/năm) so với lãi suất trong hạn theo như yêu cầu của Ngân hàng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đối với ông Lê Hoàng K là người bảo lãnh đã cam kết nếu bà T không trả được nợ thì ông phải trả thay toàn bộ số nợ, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông K giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông không có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T nhưng ông K không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ vào Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 07/12/2016 có cơ sở để xác định ông K có thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, do đó nếu trường hợp bà T không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông K phải trả thay cho bà T là phù hợp.

[3] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bà Phạm Thị Ngọc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải hoàn trả cho Ngân hàng là 7.299.174 đồng x 5% = 365.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị Ngọc T phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (do Chi nhánh B - Phòng giao dịch M đại diện nhận) số tiền vay tính đến ngày 11/12/2018, trong đó tiền vốn gốc là 5.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 550.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 869.174 đồng và tiếp tục trả lãi tính trên số tiền vốn gốc từ ngày 12/12/2018 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất 17,1%/năm.

Trường hợp bà Phạm Thị Ngọc T không hoàn trả được nợ thì ông Lê Hoàng K là người bảo lãnh có nghĩa vụ phải hoàn trả thay bà Phạm Thị Ngọc T toàn bộ số nợ (bao gồm tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (do Chi nhánh B - Phòng giao dịch Mỏ C đại diện nhận).

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc bà Phạm Thị Ngọc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 365.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (do Chi nhánh B - Phòng giao dịch M đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: HS, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện